

"Phủ tập Quảng Nam ký sự" - Giá trị tư liệu và một vài suy luận (hay giải mã về một số hiện tượng văn hoá ở phía Nam qua một tư liệu)

(Tiếp theo kỳ trước)

TS. NGUYỄN ĐĂNG VŨ*

3- Một vài điểm suy luận

3.1- Như nhiều người đã biết, cư dân Việt di cư đến vùng đất Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, tức vùng đất thuộc đao thừa truyền Quảng Nam trước đây, trong suốt nhiều thế kỷ. Nhưng khi nói về người Việt đến Quảng Nam, một số người chỉ nhấn mạnh đến các cuộc di cư: 1/ Di cư theo Huyền Trân công chúa; 2/ Di cư vào thời Lê Thánh Tông; 3/ Di cư vào thời Nguyễn Hoàng và các chúa Nguyễn khác về sau này. Tuy nhiên, qua Phủ tập Quảng Nam ký sự có thể nhận thấy, về những cuộc di cư có một điểm đáng chú ý:

Những bước chân xa quê của người Việt theo Huyền Trân công chúa có lẽ cũng chỉ dừng lại và lưu trú phía Bắc bờ sông Thu Bồn trở ra, bởi sông Thu Bồn vẫn là ranh giới Việt - Chăm trong khoảng thời gian ấy (từ 1306). Nhưng chắc hẳn trong gần 170 năm sau, tức tính đến thời điểm 1471, khi Lê Thánh Tông thu phục vùng đất này, rẽ đất từ sông Thu Bồn trở ra đèo Hải Vân, người Việt sinh sống có lẽ còn rất thưa thớt. Người Việt di cư vào phía Nam thời xưa, chủ yếu là đi bằng đường biển, không mấy ai đi bằng đường bộ. Đèo Hải Vân

là rào chắn nghiệt ngã nhất cho những bước chân trần di cư (và như thế sẽ là rào chắn cho cả việc giao lưu văn hóa). Sau cuộc di cư theo bước chân của Huyền Trân công chúa, tại vùng Chiêm Đông và Cổ Luỹ động (tức Quảng Nam, Quảng Ngãi) còn có cuộc di cư của người Việt vào thời nhà Hồ, bắt đầu từ năm 1402, với việc thích hai chữ, như "Châu Thăng", "Châu Hoa", "Châu Tư", "Châu Nghĩa" lên cánh tay cho những người di cư và binh lính ở lại lập nghiệp. Nhưng thật không may, những chiếc thuyền chở vợ con của số người đi trước và cả số dân di cư mới bị gió bão đánh tan tác vào năm 1404. Và đến năm 1407, quân Minh xâm lược, các châu Thăng, Hoa, Tư, Nghĩa lại là vùng kiểm soát của Chiêm Thành. Như vậy, các cuộc di cư của người Việt trước thời Lê Thánh Tông đều chưa làm nên diện mạo một Quảng Nam "thuần Việt" thật sự. Bởi cuộc di cư thời Huyền Trân công chúa chỉ ở một phạm vi hẹp là đến phía Bắc sông Thu Bồn, còn cuộc di cư thời Hồ có phạm vi rộng hơn, nhưng cũng chỉ dừng lại ở ranh giới phía Bắc chân đèo Bình Đê (Quảng Ngãi). Phải từ sau năm 1471, cùng với việc lập bản đồ hành chính, một dải đất trải dài từ đèo Hải Vân đến chân đèo Cả mới thật sự là của Đại Việt. Và cũng kể từ đó một làn sóng di cư

mạnh mẽ lần thứ nhất của cư dân Thanh - Nghệ - Tĩnh đã làm thay đổi diện mạo làng xóm của vùng đất chăn giữa hai đầu hai ngọn đèo cao lùng lũng này.

Từ những điều nêu trên, cứ theo *Phủ tập Quảng Nam ký sự*, thì cuộc di dân quan trọng thứ hai đến dải đất này phải kể đến, đó là cuộc di dân vào thời Bùi Tá Hán được "Hoàng thượng và Triều đình giao cho ông trấn nhậm phía Nam, gánh vác một nửa đất nước" (Theo thư của Nguyễn Kim). Cuộc di cư này kéo dài trong suốt gần 25 năm Bùi Tá Hán cầm quyền ở đây (tức từ năm 1545 đến lúc ông mất - 1568). Vì vậy, một số tài liệu chỉ khẳng định vai trò của Nguyễn Hoàng trong công cuộc di cư, làm ổn định ở vùng đất phía Nam lúc bấy giờ là không đúng. Lê Quý Đôn viết trong *Phủ biên tạp lục*: "Năm Mậu Ngọ (1558), Thế tổ Thái Vương (Trịnh Kiểm) sai Đoan Quận công Nguyễn Hoàng đem quân bản dinh đi trấn thủ Thuận Hoá để đề phòng giặc phía Đông cùng với trấn thủ Quảng Nam Trấn Quốc Công (Bùi Tá Hán) cứu giúp lẫn nhau, việc địa phương không cứ lớn nhỏ, quân dân, thuế khoá đều giao cho cả"¹. Cứ theo đoạn ghi chép này thì trong khoảng thời gian từ khi Nguyễn Hoàng được giao trấn nhậm Thuận Hoá (1558) đến khi được giao trấn nhậm hòn Thuận Hoá lấn Quảng Nam (1570)², thực hiện được mưu đồ cát cứ, thì Bùi Tá Hán vẫn tiếp tục trấn nhậm Quảng Nam còn Nguyễn Hoàng chỉ trấn nhậm Thuận Hoá. Vì thế, cuộc di dân vào trấn Quảng Nam dưới chủ trương của Nguyễn Hoàng chỉ có thể có sau khi ông được giao toàn quyền cai trị đất này (và đó chỉ là cuộc di dân quan trọng thứ ba trong lịch sử).

3.2- Khi nói về nguồn cư dân vùng đất Nam - Ngãi - Bình - Phú (tức Quảng Nam xưa), thì ngoài người Việt (bởi có thể có cả tộc người thiểu số) từ vùng Thanh - Nghệ - Tĩnh di cư vào là chủ yếu (mà đại bộ phận là nông dân nghèo), nhiều người còn nói đến yếu tố Chăm trong dòng máu Việt. *Phủ tập Quảng Nam ký sự* xác tín thêm điều đó. Khi nói về chính sách đối với biên cương, tác giả họ Mai cho biết, Bùi Tá Hán đã cho người Chăm ở vùng biên được qua lại thăm bà con thân thuộc, quân lính chỉ kiểm soát tên tuổi, kỳ hạn đi lại và phải ứng xử ôn tồn, đúng mực. Khi nói đến bà con thân thuộc (còn ở trấn Quảng Nam) thì rõ ràng, thời

ấy người Chăm vẫn đang sống cộng cư với người Việt (mà chủ yếu trên những dải đất ven biển), và chưa tự Việt hoá mạnh mẽ. Bởi ngay từ thời Lê Thánh Tông, khi lập đao Thừa tuyên Quảng Nam thì bộ phận người Chăm còn ở lại khá đông đúc. *Đại Việt sử ký toàn thư* ghi: Năm 1472 (niên hiệu Hồng Đức thứ 3) "có sắc chỉ cho Thái bộc tự khanh xét họ tên của bọn người Chiêm, người Man. Họ của người Chiêm thì mới cũ theo đúng quy chế..."³. Cuộc sống cộng cư đó không chỉ dừng lại vào thời Bùi Tá Hán trấn nhậm ở đây, mà có lẽ còn diễn ra trong nhiều thế kỷ sau, để rồi như một quy luật, người Chăm đã tự Việt hoá gần như hoàn toàn (dầu rải rác đó đây vẫn còn họ Ôn, Ma, Trà, Chế..., nhưng trong hộ tịch, hộ khẩu đã khai là người Việt), song, không phải chỉ có yếu tố Chăm trong dòng máu Việt, (trong quá trình hòa huyết ấy, yếu tố Chăm là yếu tố mạnh trên cơ tầng dòng máu Việt) mà cũng còn một số yếu tố khác. Trong máu huyết của cư dân vùng đất này còn có yếu tố Hoa, yếu tố các tộc người thiểu số... Hội An (Quảng Nam), Thu Xà, Cổ Lũy (Quảng Ngãi) vốn là nơi định cư của người Hoa từ lâu đời, có thể họ đã có mặt ở đây trước khi người Việt di cư đến. Các tộc người thiểu số như Cà Tu, Cor, Hrê... có lẽ cũng vốn đã định cư khá bền vững trên các vùng núi từ Quảng Nam vào tận Phú Yên. Không ai chắc rằng, trải qua hàng trăm năm giao lưu buôn bán ở các chợ phiên miền núi mà Bùi Tá Hán cho thành lập lại không diễn ra quá trình hỗn chủng sâu sắc. Bởi quá trình hỗn chủng và giao lưu văn hoá, như nhiều người nói, đã từng diễn ra hết sức sống động trên vùng đất này.

3.3- Những cải cách trong tổ chức đời sống sản xuất, sinh hoạt, văn hoá của Bùi Tá Hán được ghi trong *Phủ tập Quảng Nam ký sự* dường như vẫn còn ghi dấu ấn đến hiện nay. Có thể nêu một vài điểm tiêu biểu:

- Không phải bỗng dung từ phía Nam đèo Hải Vân trở vào, ta lại thấy người nông dân ở vùng đất này đến nay vẫn cày 2 trâu (hoặc 2 bò), lưỡi cày có tranh phụ, khác hẳn với cách cày 1 trâu ở phía Bắc. Việc cải tiến cách cày 2 trâu và có tranh phụ của Bùi Tá Hán thật sự tiết kiệm được công và phù hợp với những thửa ruộng, những cánh đồng rộng lớn hơn ở vùng Thanh - Nghệ - Tĩnh.

- Việc cải tiến thuỷ lợi, đặc biệt là khuyến

khích làm các bờ xe nước của Bùi Tá Hán không những đã giúp nông dân chống được hạn hán mà còn phát huy được sáng kiến kỹ thuật trong việc làm bờ xe nước của cư dân dọc các con sông Thu Bồn, Vu Gia, Trà Khúc, Sông Vệ, Lại Giang... Mãi đến khoảng những năm 80 của thế kỷ XX, trên các dòng sông này vẫn còn khá nhiều bờ xe có đến 10-12 bánh). Theo "Quảng Ngãi tỉnh chí", in trên Nam phong tạp chí năm 1933, toàn tỉnh Quảng Ngãi thời ấy có tất cả 96 bờ xe nước được dựng trên các con sông lớn trong tỉnh, mà sức chuyển tải của chúng đủ tưới cho những cánh đồng Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành, Mộ Đức⁴ (vì thế người Quảng Ngãi đã chọn bờ xe nước 10 - 12 bánh làm biểu tượng cho quê hương núi ẩn - sông Trà).

- Từ lâu, ở vùng đất này vẫn còn lưu truyền câu ca mà nhiều người cho rằng, nó không có giá trị gì về nội dung và nghệ thuật, như chỉ cho trẻ em học nói:

Con mèo con chó có lông

Cây tre có mắt, nồi đồng có quai.

Có lẽ, nội dung câu ca này lại chuyển tải một ý nghĩa tuyên truyền, vận động cho việc cải tiến một loại dụng cụ sinh hoạt. Chuyện con mèo, con chó có lông, cây tre có mắt là lẽ đương nhiên của tạo hoá. Nhưng nồi đồng có quai thì lại khác. Nó không thuộc quy luật đương nhiên đó. Theo Quảng Nam ký sự, Bùi Tá Hán đã khuyên dân chúng làm nồi đồng, nồi đất nên thêm hai quai để tiện bưng xuống. Vì thế, để tuyên truyền, vận động cho việc làm hai quai ấy, có lẽ có một tác giả vô danh nào đó, sống cùng thời với Bùi Tá Hán, đã phải đặt ra câu ca này, để mọi người dễ thuộc, dễ nhớ.

- Người Việt ở phía Bắc dùng nước uống chủ yếu là nước ao hồ, phụ nữ phổ biến vẫn mặc váy... thì khi vào đến phía Nam, có lẽ nhờ công cuộc cải tiến của Bùi Tá Hán, như khuyên dân chúng hãy làm nhà ba gian (hoặc năm gian) hai chái (lợp bốn tấm rui bốn góc); mỗi xóm cần đào giếng nước, mỗi nhà cần có giếng riêng; phụ nữ không được dùng quần không đáy v.v..., nên chúng ta thấy nhà cửa ở phía Nam thường là nhà có chái, xóm nào cũng có giếng nước ngọt, nhà nào hầu như cũng có giếng nước nhỏ để dùng riêng, phụ nữ đều mặc quần...

Nói về những chủ trương này, ông Lê Hồng

Long, một người có tâm huyết trong việc nghiên cứu về nhân vật lịch sử Bùi Tá Hán (đã mất năm 1994) đã có lý khi nhận xét rằng: Các chúa Nguyễn kế tiếp nhau mở mang cương vực lãnh thổ về phía Nam vào các thế kỷ XVII – XVIII, đặt ra các phủ Diên Khánh, Bình Khang, Bình Thuận... (đều thuộc trấn Quảng Nam) đều áp dụng "mô hình Quảng Nam; có bổ sung và hoàn chỉnh rồi làm hạt giống nhân lên khắp miền Nam nước Việt, từ Thuận Hoá cho đến Hà Tiên, Phú Quốc. Nhờ thế mà đi đến đâu người ta cũng thấy nhà có hai mái, hai chái, cày bừa hai trâu, đàn bà đều mặc quần, nồi đồng nồi đất đều có hai quai rộng, nhà nhà đều ăn uống nước giếng. Câu tục ngữ: "Nhà không chái, đái không ngồi, nồi không quai, cày không trạnh" đã trở thành cổ ngữ⁵.

- Hiện nay ở vùng đất phía Nam đèo Hải Vân trở vào, việc tế lễ, hội hè giản lược hơn ở phía Bắc đèo Hải Vân trở ra. Công cuộc di cư vào phía Nam với bao gian nan vất vả, khiến người Việt bỏ lại dần sau lưng nhiều thần thánh. Cũng vì lẽ đó, nên ngay lập tức thánh nữ Pô Inur Nagar của người Chăm được Việt hoá thành Thiên Y A Na, nhưng cũng lại vừa Chăm vừa Việt, dầu trong đó có sự cố sức dung hoà tín ngưỡng với người Chăm còn ở lại từ phía các nhà lãnh đạo xứ Đàng Trong, kể cả các quan chức thời Lê trước đó. Và cũng như vậy, việc thờ cá Voi của người Chăm kết hợp với tín ngưỡng thờ cá của các lưu dân mà thành nhờ Thần Nam Hải phổ biến ở dọc các làng chài ven biển Nam Trung bộ hiện nay. Người Chăm vốn thờ gì, người Việt "ăn theo" thờ cái ấy. Thật thuận tiện. Việc tái tạo lại ngôi đình làng cũng đã là quá sức (may mắn cái còn giữ vững trong họ là đạo thờ tổ tiên ông bà). Vì lẽ đó nên ta thấy, những lời kêu gọi tiết kiệm thời gian và công sức trong các hoạt động văn hoá tín ngưỡng của ông Bùi Tá Hán đã góp phần làm giản lược thêm một lần các hoạt động này, và điều đó cũng góp phần lý giải một vấn đề đặt ra là, vì sao ở vùng Nam - Ngãi - Bình - Phú hiện nay không mấy nơi thờ Tam phủ, Tứ phủ, không có hình ảnh các thánh Tứ bất tử, không có quá nhiều hội hè đình đám...

3.4- Ở đây có một vấn đề đặt ra là, *Phủ tập Quảng Nam ký sự* ghi chép khá rõ công trạng của Bùi Tá Hán, nhưng tại sao sử sách chính thống lại không đặt ông đúng tầm như một số



công thần khác? lần tìm trong những ghi chép của các sử gia thời phong kiến, những đoạn ghi chép về Bùi Tá Hán rất ít, dường như chỉ có trong một ít cuốn sử liệu như đã nêu trên⁶. Phải chăng, vì đang sống dưới thời các chúa Nguyễn, và cả dưới thời nhà Nguyễn sau này, mà các nhà viết sử buộc phải nhấn mạnh đến vai trò của Chúa Tiên Nguyễn Hoàng đối với mảnh đất phía Nam hơn là phải đề cao vai trò của Trần Quốc công Bùi Tá Hán trước đó? Dẫu sử sách không ghi chép nhiều, nhưng trong đời sống văn hóa tín ngưỡng của nhân dân trấn Quảng Nam thuở xưa (và cả đến sau này), Trần Quốc công Bùi Tá Hán luôn được dành một vị trí hết sức thiêng liêng. Bằng chứng là, nhiều nơi còn thờ cúng Bùi Tá Hán. Ngoài ngôi đền thờ Trần Quốc công và lăng mộ của ông ở loàng Thu Phổ (Phố) ở phường Quảng Phú, thị xã Quảng Ngãi hiện nay, trong tỉnh Quảng Ngãi còn nhiều nơi có dinh miếu thờ riêng ông, như tại núi Ông (thuộc khu vực đất của Công ty Đường Quảng Ngãi), tại rừng Lăng, tại làng An Hải (huyện Lý Sơn), tại chùa Đại Sơn (Mộ Đức), tại Sơn Hạ (Sơn Hà). Riêng tại Trà Xuân, Trà Bồng, người dân nơi đây còn thờ ông trong đền Thiên Y A Na, mà hàng năm cộng đồng các tộc người Việt, Cor, Hrê vẫn thường xuyên tế lễ... Cũng tương tự, tại cụm núi Ngũ Hành Sơn (Đà Nẵng), còn có đền thờ Bùi Tá Hán, Lê quận công⁷ và Thiên Y A Na ở núi Tam Thai; tại đình Nam Chơn (thành phố Hồ Chí Minh) thờ Bùi Tá Hán và Thiên Y A Na (vì sao dân chúng lại thờ Bùi Tá Hán cùng chung với Thiên Y A Na cũng là vấn đề hết sức lý thú mà bài viết này chưa có dịp đề cập). Trong nhiều bài văn tế kỳ yên, đình làng, dinh miếu từ Quảng Nam vào đến tận Đồng Nai đều có khấn tế Trần Quốc công Bùi Tá Hán, sau Quan Chiếu vương Mai Quý công (là hai nhân thần được cung thỉnh cùng với các thiên thần, nhiên thần khác, chỉ xếp sau Thiên Y A Na hoặc Đại Càn Quốc gia Nam Hải Tứ vị Thánh nương⁸). Hiện nay, tại đền thờ Bùi Tá Hán còn có hai pho tượng gỗ cổ, một pho tạc Bùi Tá Hán, một pho tạc Xích Y⁹ và 10 đạo sắc phong thần của các vua Cảnh Thịnh, Minh Mạng, Thiệu Trị (2 sắc), Tự Đức (2 sắc), Đồng Khánh, Thành Thái, Duy Tân, Khải Định, với sắc tặng cao nhất là "Khuông đức tịnh biên, thọ đức mậu công huy liệt trác vĩ dực bảo trung hưng Thượng đẳng thần" cho ghi vào quốc khánh và tự điển.

Tứ dương hầu Bùi Tá Thế, con trai là cánh tay phải đắc lực của Bùi Tá Hán, Huy Hạ Xích Y, vị tướng người thiểu số, cũng được sắc tặng là Trung đẳng thần, tôn thần trong hàng chục sắc phong thần khác.

Việc dân chúng thờ phụng, việc các triều đại sau này tôn vinh đã chứng tỏ ông là một người hết sức đức độ, tài năng, và đầy công trạng. Điều đó góp phần xác thực giá trị của những trang sử liệu trong *Phủ tập Quảng Nam ký sự*.

4- *Vài lời kết*

Qua những điều trình bày ở trên, có thể thấy rằng, *Phủ tập Quảng Nam ký sự* góp phần chứng minh cho công trạng to lớn và quan trọng của Bùi Tá Hán tại vùng đất thừa tuyên Quảng Nam trong lịch sử, nhưng lâu nay những công trạng ấy chưa được sử sách đánh giá một cách công bằng và đầy đủ. Mặt khác, dầu tài liệu chủ yếu nói về việc thu phục đất Quảng Nam trong tay nhà Mạc, những chủ trương của Bùi Tá Hán trong việc vỗ yên dân chúng, canh tân xã hội bằng một dung lượng còn quá khiêm tốn, nhưng *Phủ tập Quảng Nam ký sự* lại là một tài liệu có giá trị về văn hóa, lịch sử, góp phần chứng minh cho việc hình thành một vùng đất trong buổi đầu khai phá, mà những dấu ấn về các chủ trương chính sách, công cuộc canh tân xã hội vào giữa thế kỷ XVI ấy vẫn còn hiện diện trong đời sống hiện nay.

Ở đây cũng cần nói thêm rằng, khi đọc *Phủ tập Quảng Nam ký sự*, chúng tôi cũng như một số người tỏ ra còn có ít nhiều nghi vấn về niên đại ra đời của tài liệu này. Phải chăng nó đã có hơn 400 năm, đúng như lời người phụng chép ở cuối sách (hay chỉ có gần 200 năm)? Nhưng dù có là 400 năm hay chỉ gần 200 năm (1814) thì tài liệu vẫn thật sự có giá trị, bởi tác giả của nó đã cung cấp những thông tin hết sức quý giá về một vùng đất mà trước đó chưa mấy ai đề cập, và nhờ nó mà chúng ta có điều kiện giải mã một số vấn đề thuộc lĩnh vực khác nhau ở vùng đất phía Nam.

Và một vấn đề khác được đặt ra ở đây, là chính "phủ tập Quảng Nam ký sự" còn gợi mở những vấn đề nghiên cứu tiếp theo khá lý thú, như về văn hóa tín ngưỡng, dân tộc, kinh tế xã hội... không chỉ của trấn Quảng Nam xưa, mà còn của cả vùng đất phía Nam của Tổ quốc sau này.

Chú thích:

- 1- Lê Quý Đôn, *Lê Quý Đôn toàn tập*, tập 1, "Phủ biên tạp lục", Nxb. KHXH, H. 1977, Tr.47.
- 2- Khi Bùi Tá Hán mất năm 1568, triều đình cử Nguyễn Bá Quýnh vào thay, nhưng chỉ 2 năm sau, lại rút về, cử Nguyễn Hoàng làm trấn thủ Thuận Hóa kiêm trấn thủ Quảng Nam.
- 3- *Đại Việt sử ký toàn thư*, T.2, Nxb. Văn hóa Thông tin, H. 2003, Tr. 716.
- 4- Nguyễn Bá Trác, Nguyễn Đình Chi, Khiếu Hữu Kiều..., *Quảng Ngãi tỉnh chí*, bản lưu tại Thư viện Quảng Ngãi, Tr. 95- 96.
- 5- Lê Hồng Long, *Danh nhân lịch sử Bùi Tá Hán*, "Tư liệu về Bùi Tá Hán", Sở VHTT Quảng Ngãi, Bản in Rô-nô, Tr. 43.
- 6- Trong *Đại Nam nhất thống chí*, phần tỉnh Quảng Ngãi, mục nhân vật chí, có tóm tắt ngắn gọn tiểu sử Bùi Tá Hán, như một nhân vật lịch sử của tỉnh Quảng Ngãi thời Lê, sau Nguyễn Nhân Liên.
- 7- Có lẽ là Lê Trạc Tú, đỗ tiến sĩ khoa Kỷ Mùi (1499), làm quan đến chức Tể tướng, khi mất được tặng Thái bảo, tước quận công, được gia phong

phúc thần thời Lê Trung Hưng (theo Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, phần "nhân vật chí", Nxb. Sử học, Hà Nội, 1960, tr. 215, 216).

8- Xin xem các tư liệu: "Quảng Nam tỉnh chí lược", *Đại Nam nhất thống chí*, quyển 6, tờ 27a; tập văn tế còn lưu tại Bảo tàng Quảng Nam (do Hanh Phủ Nguyễn Đình Thắng phiên âm và dịch nghĩa); phần phụ lục của luận án PTS: *Những sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng của cư dân Việt ở Đồng Nai* của Huỳnh Văn Tới, Hà Nội, 1996 (Bài văn cúng đình Cẩm Vinh).

9- Theo văn bia còn lưu ở đền thờ, thì khi Bùi Tá Hán vào Phú Yên có một vị hoà thượng thấy ông và tướng Xích Y phong độ khác thường bèn tặc tượng của hai người thờ trong chùa. Một người họ Nguyễn vốn là đô ty trong một chuyến công cán vào Phú Yên đã thỉnh hai pho tượng khá to ấy về cách đây hơn 200 năm trước. Hiện nay hai pho tượng cổ ấy còn đặt tại đền thờ ở làng Thu Phố (Phố), thị xã Quảng Ngãi.

TIN:

**TRUNG BÀY CHUYÊN ĐỀ “CỔ VẬT TINH HOA VÀ CÂY CẢNH NGHỆ THUẬT”
TẠI BẢO TÀNG LỊCH SỬ VIỆT NAM**

 hân dịp kỷ niệm 54 năm ngày giải phóng Thủ đô (10/10/1954 - 10/10/2008), kỷ niệm 50 năm ngày thành lập Bảo tàng Lịch sử Việt Nam, được sự đồng ý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bảo tàng Lịch sử Việt Nam phối hợp với Hội Sưu tầm, Nghiên cứu gốm cổ vật Thăng Long, Hội Cây cảnh Nghệ thuật Hà Nội tổ chức trưng bày chuyên đề "Cổ vật tinh hoa và Cây cảnh Nghệ thuật".

Lễ khai mạc đã diễn ra trọng lượng tại Bảo tàng Lịch sử Việt Nam Hà Nội, vào sáng ngày 9/10/2008 với sự tham dự của đại diện Cục Di sản văn hóa, Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, Hội di sản văn hóa Việt Nam, Hội Sưu tầm, Nghiên cứu gốm cổ vật Thăng Long, Hội Cây cảnh Nghệ thuật Hà Nội và các bảo tàng tại Hà Nội cùng đông đảo các nhà nghiên cứu văn hóa nghệ thuật.

Với 80 hiện vật có niên đại từ văn hóa Đông Sơn cách ngày nay trên 2.500 năm đến thời Nguyễn (thế kỷ 19) thuộc sở hữu của các hội

viên Hội Cổ vật Thăng Long (do các chuyên gia Bảo tàng Lịch sử Việt Nam tuyển chọn), bao gồm các chất liệu đồng, gốm sứ, đất nung, gỗ là những hiện vật đặc sắc nhất, lần đầu tiên được công bố, có giá trị văn hóa nghệ thuật cao, ghi dấu ấn sáng tạo của con người Việt Nam trong lịch sử.

Bên ngoài khuôn viên của Bảo tàng là phần triển lãm cây cảnh nghệ thuật do Hội viên của Hội Cây cảnh Nghệ thuật Hà Nội giới thiệu những tác phẩm đặc sắc nhất của nghệ thuật tạo thế cây, thế đá - một thú chơi tao nhã của người Hà Nội xưa và nay.

Trưng bày đã góp phần khẳng định sự thành công của chủ trương xã hội hóa các hoạt động bảo tồn và phát huy di sản văn hóa của Đảng và Nhà nước ta, góp phần gắn kết hoạt động của bảo tàng với các tổ chức xã hội nghề nghiệp trong sự nghiệp bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa của dân tộc.

TRẦN TRUNG HIẾU